

Số: 43 /2017/QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý  
rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp tính giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 971/TTr- TNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) theo Phụ lục đính kèm.

2. Đối tượng áp dụng gồm:

- a) Các tổ chức, cá nhân hiện đang hoạt động, cư trú trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt;
- b) Các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Đối tượng nộp tiền thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt là đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều này.

4. Phương thức thu: Thu thông qua hóa đơn thu tiền giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt hàng tháng đối với các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

5. Quản lý tiền thu: Tiền thu được từ dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt để chi trả cho hoạt động thu gom; phần còn lại nộp về ngân sách cấp huyện để chi trả cho hoạt động vận chuyển, xử lý.

**Điều 2.** Các cơ quan, tổ chức, địa phương có trách nhiệm như sau:

1. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Bắc Giang và tổ chức thành viên; Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quyết định này trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, đơn vị có liên quan định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan thuế phối hợp với chính quyền địa phương các cấp thường xuyên kiểm tra, rà soát việc chấp hành các quy định của pháp luật về thuế, hướng dẫn các đơn vị kê khai nộp thuế, quyết toán thuế đối với doanh thu thu được theo quy định của Luật quản lý thuế hiện hành.

4. UBND cấp huyện có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến phương án giá do UBND tỉnh ban hành trên địa bàn, nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt; chỉ đạo UBND cấp xã rà soát, đánh giá hiện trạng công tác tổ chức thu dịch vụ trên địa bàn làm cơ sở xây dựng mức giá của địa phương; phê duyệt cụ thể mức giá thu trên địa bàn theo phương án giá do UBND cấp xã xây dựng, đảm bảo việc tăng giá theo mức giá quy định của UBND tỉnh;

b) Tăng cường công tác kiểm tra nguồn thu từ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của cấp xã; phê duyệt dự toán phục vụ công tác thu theo quy định hiện hành; thường xuyên kiểm tra, giám sát các đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải để nâng cao chất lượng dịch vụ.

5. UBND cấp xã có trách nhiệm:

a) Xây dựng phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp của địa phương trình UBND cấp huyện phê duyệt làm căn cứ thu trên địa bàn;

b) Tổ chức thu, quản lý, sử dụng tiền thu được để chi trả đủ cho đơn vị cung ứng dịch vụ thu gom, phần còn lại nộp về ngân sách huyện để chi trả cho đơn vị vận chuyển, xử lý;

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến mức thu do UBND cấp huyện phê duyệt trên địa bàn, nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân trong việc nộp tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt.

6. Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về chính sách hoặc biến động về giá ảnh hưởng đến phương án tài chính của các đơn vị cung ứng dịch vụ, UBND cấp huyện báo cáo gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp lập phương án giá điều chỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2018.

Giám đốc Sở, thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; tổ chức và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:** //

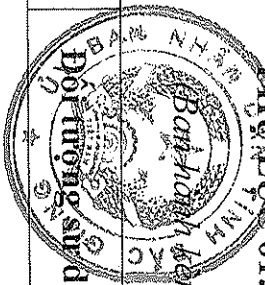
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Báo Bắc Giang;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP, TH, các phòng cv, TTTT, TKCT;
- + Lưu: VT, MT.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Thanh Sơn**

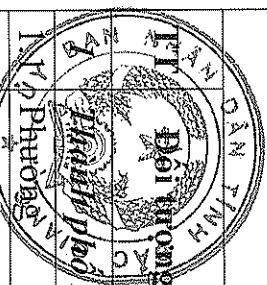
**PHỤ LỤC 01. MỨC GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT  
ĐỐI VỚI HỘ GIA ĐÌNH KHÔNG KINH DOANH**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 06 /12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)



Giai đoạn 2018 - 2022

TT	Đội thông sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá		
			Chế biến vi sinh	Chôn lấp	Đốt
<b>1 Thành phố Bắc Giang</b>					
1.1 Phường					
	Hộ ≤ 3 người		38.000 - 50.000	38.000 - 41.000	38.000 - 55.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	50.000 - 67.000	50.000 - 54.000	50.000 - 73.000
1.2 Xã					
	Hộ ≤ 3 người		16.000 - 40.000	16.000 - 32.000	16.000 - 44.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	21.000 - 53.000	21.000 - 43.000	21.000 - 59.000
<b>2 Các huyện: Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Tân Yên</b>					
2.1 Thị trấn					
	Hộ ≤ 3 người		38.000 - 50.000	38.000 - 41.000	38.000 - 55.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	50.000 - 67.000	50.000 - 54.000	50.000 - 73.000
2.2 Xã					
	Hộ ≤ 3 người		12.000 - 30.000	12.000 - 25.000	12.000 - 33.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	16.000 - 40.000	16.000 - 33.000	16.000 - 44.000
<b>3 Các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Sơn Động</b>					
3.1 Thị trấn					
	Hộ ≤ 3 người		27.000 - 37.000	27.000 - 29.000	27.000 - 41.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	35.000 - 48.000	35.000 - 38.000	35.000 - 54.000
3.2 Xã					
	Hộ ≤ 3 người		7.000 - 18.000	7.000 - 14.000	7.000 - 20.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	9.000 - 24.000	9.000 - 19.000	9.000 - 26.000
4 Hộ nghèo					
		đồng/hộ/tháng	Mức thu bằng 20% mức thu của từng khu vực tương ứng		

**Giai đoạn 2023 - 2027**



		Đơn vị tính	Mức giá		
			Chế biến vi sinh	Chôn lấp	Đốt
<b>1 Thị trấn</b>					
<b>1.1 Phường</b>					
	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	50.000	41.000	55.000
	Hộ > 3 người		67.000	54.000	73.000
<b>1.2 Xã</b>					
	Hộ ≤ 3 người	đồng/hộ/tháng	30.000 - 40.000	30.000 - 32.000	30.000 - 44.000
	Hộ > 3 người		40.000 - 53.000	40.000 - 43.000	40.000 - 59.000
<b>2 Các huyện: Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng, Lạng Giang, Tân Yên</b>					
<b>2.1 Thị trấn</b>					
	Hộ ≤ 3 người		50.000	41.000	55.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	67.000	54.000	73.000
<b>2.2 Xã</b>					
	Hộ ≤ 3 người		23.000 - 30.000	23.000 - 25.000	23.000 - 33.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	30.000 - 40.000	30.000 - 33.000	30.000 - 44.000
<b>3 Các huyện: Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Sơn Động</b>					
<b>3.1 Thị trấn</b>					
	Hộ ≤ 3 người		37.000	29.000	41.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	48.000	38.000	54.000
<b>3.2 Xã</b>					
	Hộ ≤ 3 người		13.000 - 18.000	13.000 - 14.000	13.000 - 20.000
	Hộ > 3 người	đồng/hộ/tháng	17.000 - 24.000	17.000 - 19.000	17.000 - 26.000
<b>4 Hộ nghèo</b>					
		đồng/hộ/tháng	Mức thu bằng 20% mức thu của từng khu vực tương ứng		

**PHỤ LỤC 02. MỨC GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ RÁC THẢI SINH HOẠT  
ĐỐI VỚI HỘ KINH DOANH VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**  
*Ban hành kèm theo Quyết định số 43 /2017/QĐ-UBND ngày 06 /12/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

	Đối tượng sử dụng dịch vụ	Đơn vị tính	Mức giá		
			Chế biến vi sinh	Chôn lấp	Đốt
<b>HỘ KINH DOANH</b>					
1	Hộ kinh doanh ăn uống: Cửa hàng ăn trưa (tối), ăn sáng, ăn đêm, quán bia, nước giải khát, café, karaoke,...	đồng/hộ/tháng	270.000	220.000	295.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ	đồng/hộ/tháng	132.000	106.000	145.000
3	Nhà trọ (tính theo đầu người)	đồng/người/tháng	10.000	8.000	11.000
4	Nhà nghỉ	đồng/đơn vị/tháng	100.000	80.000	110.000
II	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trụ sở văn phòng doanh nghiệp....	đồng/đơn vị/tháng	270.000	220.000	295.000
III	Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám, cơ sở y tế, trường học, siêu thị, nhà ga, bến tàu, bến xe, công trình xây dựng, chợ, nhà hàng, khách sạn, các đối tượng xác định được khối lượng cụ thể	đồng/tấn rác	1.095.000	878.000	1.205.000

Ghi chú:

- Tỷ trọng rác thải:  $1m^3 = 0,42$  tấn.
- Đối với các hộ ở kết hợp với kinh doanh, dịch vụ thì thu mức cao nhất theo hộ kinh doanh.
- Đối với trường học không thu tiền dịch vụ trong thời gian nghỉ hè theo quy định.
- Trường hợp mới đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu thì chỉ áp dụng mức thu cao nhất.